TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Mỏ Cày Nam, ngày 05 tháng 4 năm 2018

Số: 89/2018/QĐST – HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Châu Thị Bích X**, sinh năm 1994

Nơi cư trú: ấp P, xã HM, huyện M, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh Đ**, sinh năm 1989

Nơi cư trú: ấp A, xã PH, huyện huyện M, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Châu Thị Bích X và anh Lê Thanh Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Lê Thị Bích U, sinh ngày 05/9/2012 giao cho chị X trực tiếp nuôi, ghi nhận chị X không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị X và anh Đ trình bày không có, không giải quyết.

- Về nợ chung: chị X và anh Đ trình bày không có, không giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng do chị Châu Thị Bích X tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014793 ngày 13/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Hoàn trả cho chị X số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện M;
- CCTHADS huyện M;
- TAND tỉnh B;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí